Nữ đại biểu tham gia Ban chấp hành Đảng bộ cấp Tỉnh nhiệm kỳ 2010 - 2015

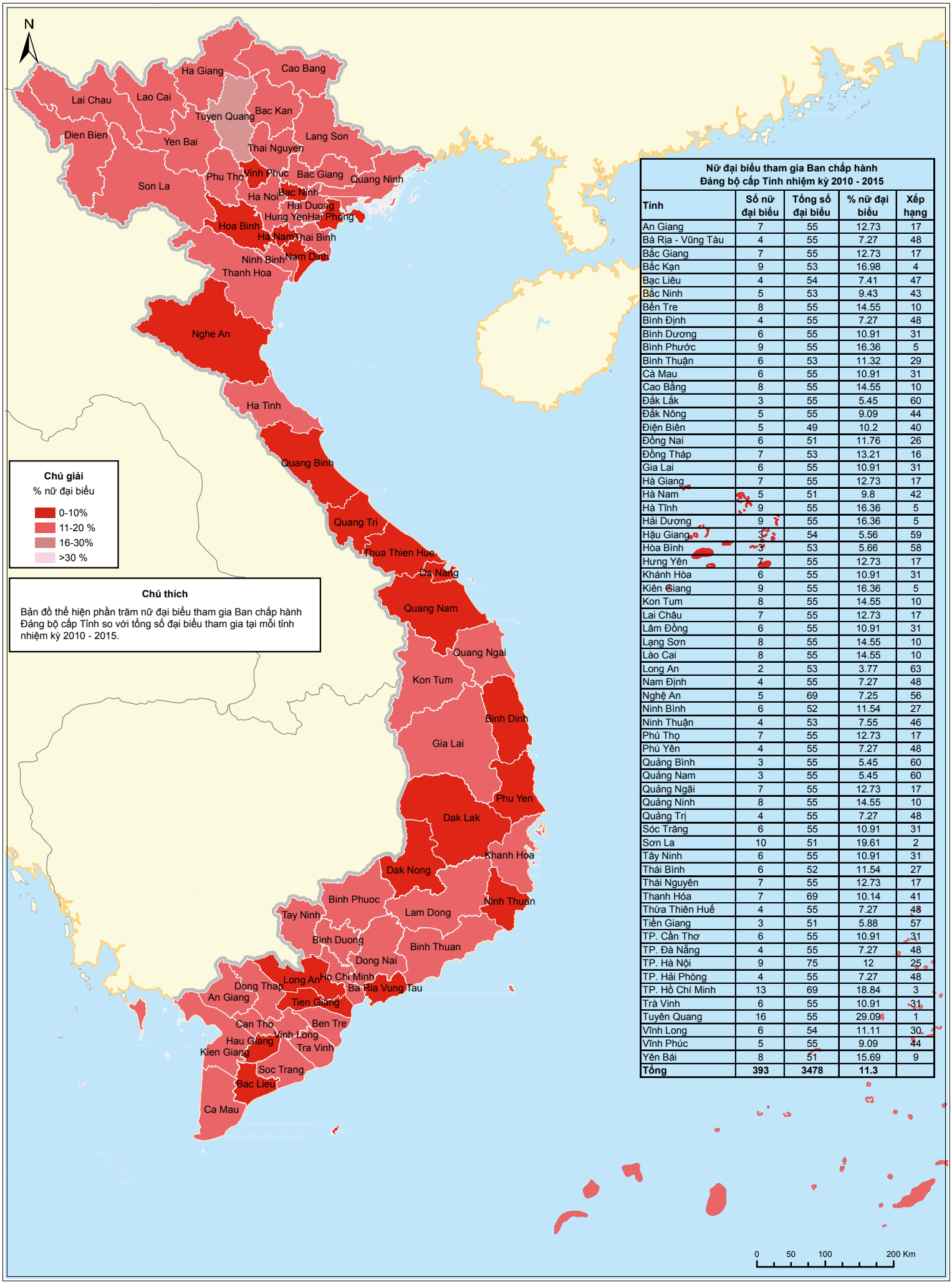

Nữ đại biểu tham gia Ban chấp hành Đảng bộ cấp Tỉnh nhiệm kỳ 2010 - 2015				
Tỉnh	**Số nữ đại biểu**	**Tổng số đại biểu**	**% nữ đại biểu**	**Xếp hạng**
An Giang	7	55	12.73	17
Bà Rịa - Vũng Tàu	4	55	7.27	48
Bắc Giang	7	55	12.73	17
Bắc Kạn	9	53	16.98	4
Bạc Liêu	4	54	7.41	47
Bắc Ninh	5	53	9.43	43
Bến Tre	8	55	14.55	10
Bình Định	4	55	7.27	48
Bình Dương	6	55	10.91	31
Bình Phước	9	55	16.36	5
Bình Thuận	6	53	11.32	29
Cà Mau	6	55	10.91	31
Cao Bằng	8	55	14.55	10
Đắk Lắk	3	55	5.45	60
Đắk Nông	5	55	9.09	44
Điện Biên	5	49	10.2	40
Đồng Nai	6	51	11.76	26
Đồng Tháp	7	53	13.21	16
Gia Lai	6	55	10.91	31
Hà Giang	7	55	12.73	17
Hà Nam	5	51	9.8	42
Hà Tĩnh	9	55	16.36	5
Hải Dương	9	55	16.36	5
Hậu Giang	3	54	5.56	59
Hòa Bình	3	53	5.66	58
Hưng Yên	7	55	12.73	17
Khánh Hòa	6	55	10.91	31
Kiên Giang	9	55	16.36	5
Kon Tum	8	55	14.55	10
Lai Châu	7	55	12.73	17
Lâm Đồng	6	55	10.91	31
Lạng Sơn	8	55	14.55	10
Lào Cai	8	55	14.55	10
Long An	2	53	3.77	63
Nam Định	4	55	7.27	48
Nghệ An	5	69	7.25	56
Ninh Bình	6	52	11.54	27
Ninh Thuận	4	53	7.55	46
Phú Thọ	7	55	12.73	17
Phú Yên	4	55	7.27	48
Quảng Bình	3	55	5.45	60
Quảng Nam	3	55	5.45	60
Quảng Ngãi	7	55	12.73	17
Quảng Ninh	8	55	14.55	10
Quảng Trị	4	55	7.27	48
Sóc Trăng	6	55	10.91	31
Sơn La	10	51	19.61	2
Tây Ninh	6	55	10.91	31
Thái Bình	6	52	11.54	27
Thái Nguyên	7	55	12.73	17
Thanh Hóa	7	69	10.14	41
Thừa Thiên Huế	4	55	7.27	48
Tiền Giang	3	51	5.88	57
TP. Cần Thơ	6	55	10.91	31
TP. Đà Nẵng	4	55	7.27	48
TP. Hà Nội	9	75	12	25
TP. Hải Phòng	4	55	7.27	48
TP. Hồ Chí Minh	13	69	18.84	3
Trà Vinh	6	55	10.91	31
Tuyên Quang	16	55	29.09	1
Vĩnh Long	6	54	11.11	30
Vĩnh Phúc	5	55	9.09	44
Yên Bái	8	51	15.69	9
Tổng	**393**	**3478**	**11.3**	